TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2021
"*V/v yêu cầu giải quyết ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ
2. Bà Lê Thị Toan

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc "*Yêu cầu giải quyết ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Số 104 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số 144/92 đường Â, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đặng Thị B trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện sống chung với nhau và đã đăng ký kết hôn từ năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T1 không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo xây dựng gia đình mà thường xuyên uống rượu và nhiều lần ông T1 chửi bới, đánh đập bà, xúc phạm gia đình bà. Đến năm 2018, bà và ông Thiện đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau và hiện nay bà cảm thấy không thể chung sống với ông Thiện được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Bà B với ông Thiện có 02 con chung tên là Nguyễn Tất T2, sinh ngày 21-12-1995 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 08-7-1999. Hiện nay, các con đều đã trên 18 tuổi, muốn ở với ai thì tùy ý các con, bà B không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, trong đơn khởi kiện bà B đã yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã rút đơn khởi kiện đối với nội dung yêu cầu chia tài sản và bà chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên, ông T1 không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, ông T1 không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại số 144/92 đường Â, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị B và ông Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn từ năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N2, tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà B khai thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T1 không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo xây dựng gia đình mà thường xuyên uống rượu và nhiều lần ông T1 chửi bới, đánh đập bà, xúc phạm gia đình bà. Đến năm 2018, bà và ông T1 đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau và hiện nay bà cảm thấy không thể chung sống với ông T1 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà B và ông T1 là do ông T1 không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo xây dựng gia đình mà thường xuyên uống rượu chửi bới, đánh đập vợ con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập ông T1 để tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng ông T1 không đến Tòa án để làm việc và tham gia các phiên hòa giải. Như vậy, ông T1 đã không còn yêu thương đối với bà B và không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng gia đình. Đến nay bà B khẳng định không còn tình cảm yêu thương ông T nữa nên bà vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Bích là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Bích với ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Tất T2, sinh ngày 21-12-1995 và Nguyễn Thị T3, sinh ngày 08-7-1999. Hiện nay, các con đều đã trên 18 tuổi, muốn ở với ai thì tùy ý các con, bà Bích không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Trong đơn khởi kiện bà Bích đã yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu này, Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung nên không đề cập.

[6] Bà Bích là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên Xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B xin ly hôn ông Nguyễn Văn T1.

1. Cho Đặng Thị B được ly hôn ông Nguyễn Văn T1.

2. Bà Đặng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005189 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, bà Đặng Thị B đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đặng Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã N1, H. N2, Nam Định (GCNKH số ..., QS ...,ngày 15-02-1996);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Rmah HThuyên